CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU: MỘT SỐ KHÁI NIỆM TỔNG QUÁT

Nguyễn Hải Ngân Hà

02 - 2011

Nội dung

1.1 Các tổ chức kinh doanh

1.2 Mục tiêu của đầu tư

1.3 Các khái niệm về chi phí

1.4 Quá trình phân tích dự án đầu tư

1.1 Các tổ chức kinh doanh

- **Đơn vị kinh doanh (Doanh nghiệp):**

1. ***Doanh nghiệp*** là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

2. ***Kinh doanh*** là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

(Trích luật doanh nghiệp 2005)

1.1 Các tổ chức kinh doanh

Căn cứ vào hình thức pháp lý doanh nghiệp:

- Công ty TNHH
- Công ty cổ phần
- Công ty hợp danh
- Công ty tư nhân

....

1.1 Các tổ chức kinh doanh

Căn cứ vào chế độ trách nhiệm:

- Trách nhiệm hữu hạn: CSH chỉ phải chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của DN trong phạm vi sốp vốn đã góp (vd: Cty TNHH, Cty CP, DN liên doanh)
- Trách nhiệm vô hạn: CSH có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho DN bằng tất cả tài sản của mình, khi DN không đủ tài sản để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của nó (vd: DNTN và cty hợp danh)

1.1 Các tổ chức kinh doanh

- **Chức năng của một Doanh nghiệp:**

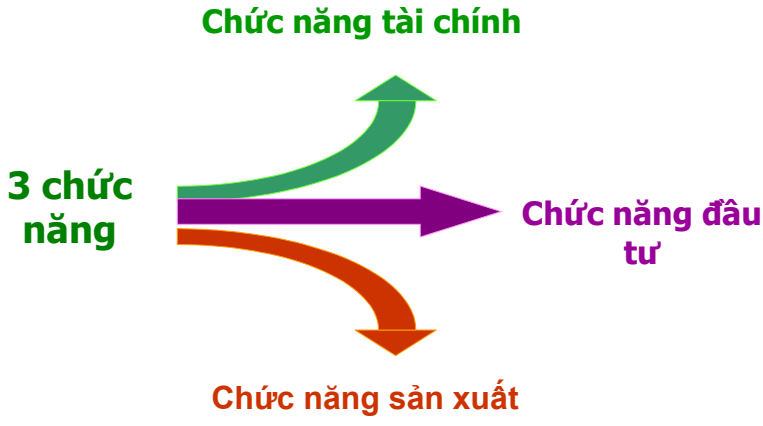

1.2 Mục tiêu đầu tư

- **Mục tiêu của doanh nghiệp**: cực đại lợi nhuận, duy trì sự tồn tại của doanh nghiệp, cực đại giá trị tài sản (lợi nhuận + ổn định)
- **Mục tiêu xã hội**: mục tiêu phát triển quốc gia và mục tiêu công bằng xã hội …
- **3 quan điểm khi phân tích kinh tế dự án:**
  + Quan điểm cá nhân hoặc chủ đầu tư dự án
  + Quan điểm của tỉnh, địa phương
  + Quan điểm của toàn bộ quốc gia

1.3 Khái niệm về chi phí

- **Tổng chi phí (Total Cost - TC):**

$$TC = FC + VC$$

  - FC (Fixed Cost): Chi phí cố định, là chi phí không thay đổi theo sản lượng Q, mà DN phải chi trả cho dù không sản xuất gì cả.
  - VC (Variable Cost): Chi phí biến đổi, là chi phí thay đổi theo sản lượng Q.

1.3 Khái niệm về chi phí

- **Chi phí tới hạn (Marginal Cost – MC)**:
  - Lượng chi phí gia tăng để sx thêm 1 đơn vị sp.

- **Chi phí bình quân (Average Cost – AC)**:
  - Là giá bình quân của 1 đv sản phẩm

AC = TC/Q

Average fixed cost: AFC = FC/Q

Average variable cost: AVC = VC/Q

1.3 Khái niệm về chi phí

Chi phí cơ hội (Opportunity Cost)

– được tính vào khi phân tích dự án

- Đn: là lợi ích ta đã từ bỏ khi chọn thực hiện dự án.
- Vd: chi phí cơ hội của việc quyết định học đại học là khoản thu nhập đáng lẽ ta có thể kiếm được trong 4 năm nếu không phải đi học.

1.3 Khái niệm về chi phí

Chi phí chìm (Sunk Cost)

– không được tính vào khi phân tích dự án

- Đn: Là chi phí (không thu lại được) đã xảy ra do những quyết định trong quá khứ, trước khi hình thành dự án.
- Yn: ko liên quan đến quyết định trong tương lai.
- Vd: ta tốn 50 ngàn để thay bánh xe vào năm ngoái không liên quan gì đến quyết định ta sẽ bán lại chiếc xe đó bao nhiêu tiền trong năm nay.

1.3 Khái niệm về chi phí

- **Lý do không tính chi phí chìm vào chi phí tài chính**:

✓Phân tích dự án chỉ xem xét những lợi ích và chi phí trong tương lai.
✓Việc phân tích tài chính và kinh tế có đưa đến kết luận là đầu tư hay không đầu tư dự án thì chi phí chìm cũng vẫn là chi phí đã bỏ ra và không thu hồi lại được. Do vậy, quyết định làm hay không làm dự án không được dựa vào chi phí chìm.

=> Chi phí làm nghiên cứu khả thi, chi phí tư vấn, xây dựng hay mua thiết bị xảy ra trước thời điểm làm phân tích đều là chi phí chìm.

1.3 Khái niệm về chi phí

- **Chi phí tiền mặt (Cash Costs) và Chi phí bút toán (Book Costs):**
  - **Chi phí tiền mặt**: là loại chi phí được thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc bằng séc

  => Được xem xét khi phân tích dự án
  - **Chi phí bút toán**: là phần khấu trừ dần (khấu hao) những khoản chi trước đây cho các thành phần công trình hoặc máy móc có thời gian sd dài

  ⇒ **Chỉ dùng vào việc tính thuế, không được xét đến khi phân tích tính kinh tế của dự án.**

1.3 Khái niệm về chi phí

- **Cơ hội đầu tư và phương án đầu tư:**
  - Kỹ sư: Đánh giá, so sánh về mặt kinh tế để đưa ra quyết định phương án tốt nhất.
  - Người quản lý: Quyết định lựa chọn cơ hội đầu tư và các phương án trong từng cơ hội.

1.4 Quá trình phân tích dự án

❑ **Cần phân biệt một số khái niệm:**

❑ **Có so với Không có dự án** (With vs Without Project): xem xét chi phí hay lợi ích tăng thêm mà dự án đem lại – incremental costs and benefits.

❑ **Trước so với Sau dự án** (Before vs After Project): xem xét tổng lợi ích và chi phí liên quan đến dự án đang thẩm định và kể cả những dự án khác không liên quan trước đây.

=> Khi đánh giá dự án dùng khái niệm Có so với Không có dự án

1.4 Quá trình phân tích dự án

Các bước trong thẩm định dự án:

- ❑Hình thành ý tưởng và xác định dự án
- ❑Nghiên cứu tiền khả thi
- ❑Nghiên cứu khả thi
- ❑Thiết kế chi tiết
- ❑Thực hiện dự án
- ❑Đánh giá trong quá trình thực hiện và sau khi thực hiện